

Số: 713/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Đặng Quốc Khởi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 651/2019/QĐST-HC ngày 18/6/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “khiếu kiện quyết định hành chính”, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

2/. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng địa chỉ: L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tr, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Đường L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Ông Nguyễn Thanh Ngh, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đường L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Bà Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/. Ông Phạm Văn Kh, sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường Đ, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/. Bà Võ Thị Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường Đ, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 28/6/2019, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm với lý do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ giải quyết vụ án là không khách quan và không chính xác, bà là người sở hữu hợp pháp nền đất số 25-27 khu 2, tiểu đảo 2, Trung tâm định cư P3 thuộc xã T, quận T, tỉnh Gia Định cũ, nay là số 25-27 đường L1, phường P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Ngày 21/4/1990, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 122/QĐ-UB về việc giao đất khu dân cư cho nhân dân để xây dựng nhà ở trong đó có ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Thanh L (con của ông Nguyễn Văn G).

Sau khi có Quyết định 122/QĐ-UB nêu trên, Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận đối với phần nhà, đất tại địa chỉ đường Đ, phường P1, quận T (số cũ 52/27A đường số 7, Phường 18, quận T) cho ông Nguyễn Thanh C và bà Phạm Thị Th1 vào năm 2007. Cùng năm 2007, ông Nguyễn Thanh C và bà Phạm Thị Th1 làm hợp đồng tặng cho phần đất nói trên cho ông Phạm Văn Kh và bà Võ Thị Th. Ngày 30/5/2007, Ông Phạm Văn Kh và bà Võ Thị Th được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc 2967/2007/UB.GCN.

Cũng căn cứ trên Quyết định 122/QĐ-UB nêu trên, ngày 17/3/2003, Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1515/2003 cho ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Lê Thị Kim Ph đối với nhà, đất tại địa chỉ 52/27 Đường L1, Phường 18, quận T.

Bà Nguyễn Thị L cho rằng các phần đất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho 04 người con của ông Nguyễn Văn G theo Quyết định số 122/QĐ-UB có nguồn gốc do Quận trưởng Quận 6 thừa ủy nhiệm Đô trưởng Sài Gòn cho ông Khuru Ch (là nạn nhân bị hỏa hoạn) thuê nền đất tại Trung tâm định cư P3, khu 02, tiểu đảo 52 nền số 25-27 theo tờ tham chiếu số 1165 ngày 29/12/1965 (nay là địa chỉ 52/25, 52/25A, 52/27, 52/27A Đường L1, phường P1, quận T). Ngày 20/01/1966, ông Khuru Ch chuyển nhượng phần đất này cho ông

Đặng Văn Ph. Đến ngày 30/3/1966, ông Đặng Văn Ph chuyển nhượng cho ông Đỗ Đình L và ngày 03/5/1971 bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng phần đất này từ ông L. Các văn bản chuyển nhượng đều có chứng thực chữ ký tại cơ quan có thẩm quyền. Bà L là người có quyền sử dụng các phần đất này nên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 122/QĐ-UB ngày 21/4/1990 về việc giao đất khu dân cư cho nhân dân để xây dựng nhà ở và Ủy ban nhân dân quận T, Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện phần đất bà L nhận chuyển nhượng của ông L chính là phần đất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho 04 người con của ông Nguyễn Văn G theo Quyết định số 122/QĐ-UB ngày 21/4/1990. Bà L cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình sử dụng, quản lý, đăng ký kê khai đối với các phần đất này.

Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà L khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng bởi các quyết định hành chính bị kiện nên không có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 122/QĐ-UB ngày 21/4/1990 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1515/2003 ngày 17/3/2003 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Lê Thị Kim Ph và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2967/2007/UB.GCN ngày 30/5/2007 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Phạm Văn Kh và bà Võ Thị Th. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 118, điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, cần giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 651/2019/QĐST-HC ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0034277 ngày 26/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- ĐS (12);
- Lưu VT(3), HS(2). 22b.MSL38.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thị Thu Thủy